

Bản án số: 160/2021/DS-ST
Ngày: 14/6/2021
V/v: “ Tranh chấp hợp đồng
Vay tài sản”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN T THÀNH PHỐ H**

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán-Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thúy Hòa

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Kính

2. Bà Nguyễn Thị Kim Hồng

-Thư ký phiên tòa: Bà Lê Ngọc Diễm, thư ký Tòa án nhân dân Quận T, Thành phố H.

-Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Dương Thị Thanh Nhân - Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 6 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử công khai vụ án thụ lý số 553/2019/TLST- DS ngày 31 tháng 12 năm 2019, về việc :“Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 113/2021/QĐXXST-DS ngày 27 tháng 4 năm 2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số 90/2021/QĐST-DS ngày 24/5/2021 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông Nguyễn T, sinh năm: 1952;

Địa chỉ: 432 trệt - 430 Lầu 1 Đ, Phường M, Quận N, Thành Phố H;

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Ông C, sinh năm: 1971; Địa chỉ: 126 Tổ 17, Khu phố 2, phường A, Quận I, Thành phố H (Văn bản ủy quyền ngày 07/12/2019) (Vắng mặt)

Bị đơn: Ông Nguyễn MC;

Hộ khẩu thường trú: 80 Đ (nay là 80 MĐ) Phường N, Quận T, Thành phố H

Địa chỉ: 132/9 LT, Phường S, Quận T, Thành phố H.

(Vắng mặt)

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

1/ Công ty TNHH Một Thành viên sản xuất Thương mại xây dựng Tư vấn Đầu tư A; Địa chỉ: 80 MĐ, Phường N, Quận T, Thành phố H;

Người đại diện theo pháp luật của Công ty TNHH Một Thành viên sản xuất Thương mại xây dựng Tư vấn Đầu tư A: Ông MC – Chức vụ: Tổng giám đốc; Địa chỉ: 132/9 LT, Phường S, Quận T, Thành phố H (Vắng mặt)

2/ Công ty V;

Địa chỉ: 312-314 TV, Phường B, Quận T, Thành phố H.

Người đại diện theo pháp luật của Công ty V: Ông M – Chức vụ: Giám đốc; Địa chỉ: 539 TV, Phường MH, Quận T, Thành phố H. (Vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và tại các biên bản tự khai, lấy lời khai nguyên đơn ông T có người đại diện theo ủy quyền ông C trình bày: Ông T có cho ông MC vay số tiền 8.000.000.000 (tám tỷ) đồng vào ngày 10/01/2017, ông MC có làm giấy xác nhận nợ và hạn đến ngày 15/3/2017 sẽ trả hết nợ. Ông T cho ông MC vay nhưng trong giấy xác nhận nợ ông MC lại đóng dấu Công ty TNHH Một Thành viên sản xuất Thương mại xây dựng Tư vấn Đầu tư A vào chỗ ký tên của mình. Ông T chỉ cho cá nhân ông MC vay không phải cho công ty của ông MC vay nên không yêu cầu Công ty TNHH Một Thành viên sản xuất Thương mại xây dựng Tư vấn Đầu tư A trả nợ. Ông MC đại diện công ty V và ông T có ký hợp đồng mua bán căn hộ số 01/2013/HĐMBCH-VHP ngày 12/01/2013 mua bán căn hộ số A1-LB tầng 19, diện tích 127,12m² để đảm bảo cho khoản vay. Nếu hết hạn hợp đồng vay mà ông MC không thực hiện đúng nghĩa vụ trả lãi và gốc đúng theo hợp đồng thì ông MC phải chuyển nhượng cho bên ông T căn hộ trên bằng với số tiền đã vay. Ông MC không trả tiền cho ông T và cũng không chuyển giao căn hộ cho ông T như thỏa thuận mặc dù ông T đã nhiều lần yêu cầu ông MC trả nợ. Ông T khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc ông MC phải trả số tiền vay còn thiếu cùng với lãi suất theo qui định hoặc thực hiện hợp đồng mua bán căn hộ 01/2013/HĐMBCH-VHP ngày 12/01/2013 để mua bán căn hộ số A1-LB tầng 19, diện tích 127,12m² chung cư V. Do dự án chung cư cao cấp V đã tạm ngưng không tiếp tục thi công nên ông T không yêu cầu thực hiện hợp đồng mua bán căn hộ số 01/2013/HĐMBCH-VHP ngày 12/01/2013 mà yêu cầu tuyên bố hợp đồng mua bán căn hộ trên vô hiệu, ông T yêu cầu Tòa án buộc ông MC trả lại cho ông T số tiền còn nợ là 8.000.000.000 (tám tỷ) đồng và số tiền lãi tính từ ngày 15/3/2017 đến ngày 14/6/2021 là 3.399.999.999 đồng (Ba tỷ ba trăm chín mươi chín triệu chín trăm chín mươi chín ngàn chín trăm chín mươi chín) đồng. Ngoài ra ông T không có yêu cầu nào khác.

Bị đơn ông MC vắng mặt nên Tòa án không ghi được ý kiến.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan: Công ty TNHH Một Thành viên sản xuất Thương mại xây dựng Tư vấn Đầu tư A và Công ty TNHH Thương mại xây dựng V vắng mặt nên Tòa án không ghi được ý kiến.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận T phát biểu ý kiến: Tòa án nhân dân Quận T thụ lý giải quyết vụ án đúng thẩm quyền, đúng quy định pháp luật. Thẩm phán, Hội đồng xét xử tuân thủ pháp luật không vi phạm Tố tụng. Về nội dung đề nghị chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn về việc buộc ông MC trả ông T số tiền 8.000.000.000 (tám tỷ) đồng và số tiền lãi tính từ ngày 15/3/2017 đến ngày 14/6/2021 là 3.399.999.999 đồng;

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên Toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên Toà, Hội đồng xét xử nhận định :

[1]. Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết:

Xét đơn khởi kiện của ông T thì đây là tranh chấp hợp đồng vay tài sản, bị đơn cư trú tại Quận T, Thành phố H, nên theo qui định của các Điều 26; Điều 35 và Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Quận T Thành phố H.

[2]. Về thủ tục tố tụng:

Bị đơn ông MC và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án Công ty TNHH Một Thành viên sản xuất Thương mại xây dựng Tư vấn Đầu tư A và Công ty TNHH Thương mại xây dựng V đã được tòa án triệu tập họp lệ lần thứ hai để tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng đều vắng mặt. Căn cứ khoản 1 Điều 207 Bộ luật Tố tụng dân sự vụ án này thuộc trường hợp không tiến hành hòa giải được.

Bị đơn ông MC và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án Công ty TNHH Một Thành viên sản xuất Thương mại xây dựng Tư vấn Đầu tư A và Công ty TNHH Thương mại xây dựng V đã được Tòa án triệu tập họp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa. Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: ông C có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt. Căn cứ khoản 2 điều 227 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự Hội đồng xét xử quyết định xử vắng mặt các đương sự.

[3]. Về các yêu cầu của các đương sự:

Trong suốt quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã thông báo thụ lý, triệu tập bị đơn ông MC và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án Công ty TNHH Một Thành viên sản xuất Thương mại xây dựng Tư vấn Đầu tư A và Công ty TNHH Thương mại xây dựng V đến Tòa án để tự khai, tham gia phiên họp về kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải; tham gia phiên tòa nhưng các đương sự không đến Tòa và không cử đại diện hợp pháp đến Tòa án theo giấy triệu tập mà không có lý do chính đáng; Cũng không có bất kỳ văn bản nào phản hồi đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Điều này xem như bị đơn và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án đã từ bỏ quyền và không

thực hiện nghĩa vụ tham gia tố tụng tại Tòa án để bảo vệ quyền lợi của mình. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ vào yêu cầu và những chứng cứ do nguyên đơn cung cấp để xem xét giải quyết vụ án.

Xét giấy xác nhận nợ và cam kết ngày 10/01/2017 thì ông T có cho ông MC vay tiền tính đến ngày 15/3/2017 cả gốc và lãi là 8.000.000.000 (tám tỷ) đồng. Ông MC cam kết sẽ trả hết nợ vào ngày 15/3/2017. Đây là hợp đồng vay có thời hạn và có lãi. Giấy cam kết xác định rõ ông MC là người vay tiền và có nghĩa vụ trả tiền với tư cách cá nhân. Không có chứng cứ nào thể hiện việc ông MC hay Công ty TNHH Một Thành viên sản xuất Thương mại xây dựng Tư vấn Đầu tư A đã trả tiền cho ông T. Có cơ sở xác định ông MC đóng dấu công ty chỉ là để ông T tin tưởng cho vay mà thôi không phải là Công ty TNHH Một Thành viên sản xuất Thương mại xây dựng Tư vấn Đầu tư A vay tiền của ông T. Ông MC đã vi phạm nghĩa vụ trả tiền. Căn cứ các Điều 463, 466, 468 Bộ luật dân sự 2015 thì “Bên vay tài sản là tiền thì phải trả đủ tiền khi đến hạn...”; “Trường hợp vay có lãi mà khi đến hạn bên vay không trả hoặc trả không đầy đủ thì bên vay phải trả lãi trên nợ gốc theo lãi suất thỏa thuận trong hợp đồng tương ứng với thời hạn vay mà đến hạn chưa trả; trường hợp chậm trả thì còn phải trả khoản tiền lãi theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật này”. Như vậy ông MC phải trả cho ông T số tiền 8.000.000.000 đồng bao gồm vốn và lãi theo hợp đồng cộng với lãi suất 10%/năm tương ứng với thời gian chậm trả 51 tháng là $(8.000.000.000 \text{ đồng} \times 10\% : 12) \times 51 = 3.399.999.999$ đồng. Tổng số tiền ông MC phải trả cho ông T là 11.399.999.999 đồng.

Xét hợp đồng mua bán căn hộ 01/2013/HĐMBCH-VHP ngày 12/01/2013 ký giữa ông T và Công ty TNHH Thương mại xây dựng Vạn Hưng Phát do ông MC ký nhưng ông MC không phải là người đại diện theo Pháp luật của Công ty TNHH Thương mại xây dựng V và cũng không có văn bản nào xác định ông MC được ký hợp đồng mua bán căn hộ chung cư V. Ông T không yêu cầu thực hiện hợp đồng và có yêu cầu xác định hợp đồng vô hiệu. Căn cứ Điều 142, Điều 407 Bộ luật dân sự 2015 yêu cầu của ông T có cơ sở chấp nhận.

Để đảm bảo quyền lợi của bên được thi hành án cần áp dụng Điều 357 và Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015 để tính lãi suất trong thời gian chưa thi hành án tính từ thời điểm có đơn yêu cầu Thi hành án của bên được thi hành án.

[4]. Về án phí dân sự sơ thẩm :

Xét yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên nguyên đơn không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trên số tiền phải trả cho nguyên đơn theo quy định tại Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 và Pháp lệnh án phí, lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ:

- Các Điều 26, Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;
- Các Điều 122, Điều 142, Điều 357, Điều 407, Điều 466, Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015;
- Luật Thi hành án dân sự;
- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án của Ủy ban Thường vụ Quốc hội

Tuyên xử :

1. Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn ông T:

Buộc ông MC thanh toán cho ông T số tiền 11.399.999.999 đồng (Mười một tỷ ba trăm chín mươi chín triệu chín trăm chín mươi chín nghìn chín trăm chín mươi chín) đồng ngay sau khi bản án có hiệu lực Pháp luật.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án nếu ông MC không thực hiện đúng nghĩa vụ trả tiền, thì hàng tháng ông MC còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền chậm thi hành án theo mức lãi suất bằng 50% mức lãi suất giới hạn quy định tại khoản 1 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015 tại thời điểm thanh toán.

2. Hợp đồng mua bán căn hộ 01/2013/HĐMBCH-VHP ngày 12/01/2013 ký giữa ông T và Công ty TNHH Thương mại xây dựng V vô hiệu.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Ông MC phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 119.399.999 (Một trăm mười chín triệu ba trăm chín mươi chín nghìn chín trăm chín mươi chín) đồng.

Ông T không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Thi hành tại Chi cục Thi hành án dân sự có thẩm quyền

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

4. Các đương sự có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được hoặc niêm yết bản án hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND TP.H;
- VKSND QT;
- THADS QT;
- Các đương sự;
- Lưu VP, hồ sơ (...)

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Lê Thúy Hòa